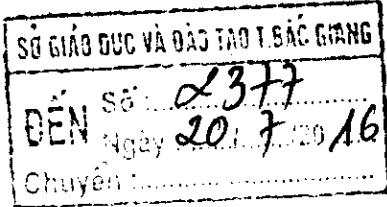


Số: 12/2016/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 như sau:

1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập

a) Mức thu học phí đối với năm học 2016-2017:

CẤP HỌC	Mức thu học phí theo vùng (1.000 đồng/học sinh/tháng)		
	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
Mầm non	75	50	35
Trung học cơ sở	75	50	35
Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông	80	55	40

b) Mức thu học phí từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021:

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mức thu học phí năm học 2016-2017, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức thu và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Mức thu học phí đối các cơ sở với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

a) Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng (CD), trung cấp (TC) tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng.

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	280	320	310	350	340	390	370	430	420	470
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	330	380	370	420	400	460	440	510	490	560
3. Y dược	410	470	450	520	500	560	550	620	600	680

b) Mức thu học phí đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên: Do đơn vị quyết định theo nguyên tắc đủ bù đắp chi phí nhưng không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

c) Mức thu học phí đối với sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác: Áp dụng thu theo sự thỏa thuận chi phí giữa cơ sở giáo dục và người học nhưng không được cao hơn mức thu học phí đối với trung cấp nghề nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

d) Mức thu học phí học lại: Bằng mức thu học phí quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

3. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng, quản lý tiền học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLDTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 05/7/2016 và có hiệu lực từ ngày 15/7/2016./.

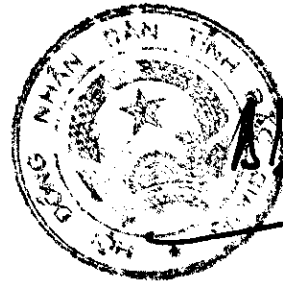
Nơi nhận: *TKC*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THTT.

Bản điện tử:

- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hải